

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TẠI THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

● NGUYỄN VIỆT TRỌNG

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này thực hiện nhằm xác định và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức. Nghiên cứu thực hiện phân tích 220 mẫu khảo sát tại các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức. Phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng. Kỹ thuật phân tích bao gồm thống kê mô tả, kiểm tra độ tin cậy thang đo, phân tích EFA, hồi quy tuyến tính. Có 6 thành phần có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất, bao gồm: môi trường pháp lý; hệ thống kiểm soát nội bộ; quy trình công tác kế toán; trình độ nhân viên kế toán; kiểm toán; công bố thông tin. Kết quả nghiên cứu gợi ý một số chính sách cho các nhà quản lý liên quan đến việc nâng cao chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Từ khóa: báo cáo tài chính, chất lượng báo cáo tài chính, doanh nghiệp sản xuất, thành phố Thủ Đức.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, nền kinh tế đang trong quá trình toàn cầu hóa về kinh tế và quốc tế hóa thị trường, tính cạnh tranh ngày càng cao. Để đáp ứng được các thay đổi nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp cần phải cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng một cách minh bạch và hiệu quả. Từ đó cho thấy chất lượng báo cáo tài chính đóng vai trò thiết yếu trong quản trị doanh nghiệp, cũng như minh bạch kết quả hoạt động của doanh nghiệp cho các đối tượng có liên quan. Theo

chuẩn mực kế toán Việt Nam, chất lượng thông tin được trình bày ở nội dung “các yêu cầu cơ bản đối với kế toán”, bao gồm: trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu, có thể so sánh.

Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố nhằm nâng cao chất lượng báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức sẽ là một vấn đề cần thiết, mở ra hướng mới giúp các nhà quản lý và các đối tượng sử dụng thông tin của đơn vị đưa ra các quyết định kinh tế đúng đắn, kịp thời và hiệu quả.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất

Theo Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB): báo cáo tài chính là sản phẩm của kế toán tài chính, phản ánh tình hình, kết quả tài chính của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu số đông của người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế, nó cũng là kết quả quản lý của ban giám đốc đối với nguồn lực được giao phó cho họ.

Theo IASB và Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Tài chính (FASB), các đặc điểm chất lượng của thông tin tài chính hữu ích được phân ra thành các đặc điểm chất lượng cơ bản và các đặc điểm chất lượng bổ sung. Trong đó, các đặc điểm chất lượng cơ bản gồm: thích hợp và trình bày trung thực. Các đặc điểm chất lượng bổ sung gồm: có thể so sánh; có thể kiểm chứng; kịp thời và có thể hiểu.

- Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính:

(i) *Môi trường pháp lý*: Khung pháp lý liên quan đến kế toán bao gồm: Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các nghị định, thông tư có liên quan. Môi trường pháp lý có tác động mạnh mẽ đến hệ thống kế toán và báo cáo tài chính tại các quốc gia. Doupnik and Salter (1992) đã nghiên cứu tác động của hệ thống pháp luật trên sự phát triển của hệ thống kế toán tại các quốc gia khác nhau và cho rằng sự khác biệt về hệ thống pháp luật của các nước khác nhau có thể giải thích sự khác biệt trong sự phát triển của hệ thống kế toán, từ đó ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, chất lượng báo cáo tài chính. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H1 (+): Môi trường pháp lý có tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức.

(ii) *Hệ thống kiểm soát nội bộ*: Theo Afiah và cộng sự (2014), kiểm soát nội bộ là một công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập báo cáo tài chính trung thực, đảm bảo việc thực hiện các chế độ

pháp lý, tuân thủ các luật lệ và quy định. Thông qua việc thực hiện các chức năng nói trên, kiểm soát nội bộ một mặt góp phần đảm bảo chất lượng thông tin kế toán của doanh nghiệp. Theo Kewo và cộng sự (2017), thông tin kế toán được kiểm định bởi một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu sẽ nhận được sự tin cậy nhiều hơn bởi các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H2 (+): Hệ thống kiểm soát nội bộ có tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức.

(iii) *Quy trình công tác kế toán*: Theo Jonas, G. J., & Blanchet, J. (2000), báo cáo tài chính không chỉ là sản phẩm cuối cùng, đây là một quy trình bao gồm các thành phần như giao dịch, sự kiện, lựa chọn chính sách kế toán, áp dụng chính sách kế toán, ước tính, đánh giá liên quan, công bố về giao dịch, sự kiện, chính sách, ước tính, phán đoán, từ đó, chất lượng báo cáo tài chính phụ thuộc vào chất lượng của từng phần của quy trình này. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H3 (+): Quy trình công tác kế toán có tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức.

(iv) *Trình độ nhân viên kế toán*: Kết quả nghiên cứu của Alshbiel và Al-Awaqleh (2011) tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa trình độ nhân viên kế toán và chất lượng thông tin báo cáo tài chính, điều này được giải thích rằng nhân viên có trình độ, nhân viên được đào tạo để sử dụng hệ thống thông tin kế toán là một vấn đề quan trọng để thực hiện hệ thống thông tin kế toán thành công, từ đó cung cấp các thông tin kế toán nói chung và thông tin báo cáo tài chính nói riêng chất lượng hơn. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H4 (+): Trình độ nhân viên kế toán có tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức.

(v) *Công bố thông tin*: Michelin, G. (2011) dựa trên lý thuyết hợp pháp đã chứng minh rằng danh tiếng doanh nghiệp ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính mà doanh nghiệp đó cung cấp. Michelin, G. (2011) xem xét khái niệm danh tiếng của doanh nghiệp thành 3 khía cạnh để phân tích: cam kết với bên liên quan, hiệu quả tài chính, tiếp xúc với truyền thông. Michelin, G. (2011) cho rằng, doanh nghiệp có hiệu quả tài chính tốt có nhiều khả năng công bố thông tin nhiều hơn nhằm truyền đạt tính hợp pháp trong hoạt động của họ cho bên liên quan thông qua báo cáo tài chính hay báo cáo thường niên, từ đó khẳng định danh tiếng của họ. Thông qua công bố thông tin, đơn vị khẳng định uy tín của mình, doanh nghiệp có uy tín cao hơn ít làm sai lệch báo cáo tài chính của họ, bởi vì họ có thể chịu thiệt hại danh tiếng từ báo cáo tài chính kém chất lượng mà họ cung cấp do sự phũ phàng của truyền thông, sự giám sát của công chúng dành cho chất lượng thông tin mà đơn vị này cung cấp. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H5 (+): Công bố thông tin có tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức.

(vi) *Kiểm toán*: Lý thuyết tín hiệu cho thấy rằng lựa chọn của doanh nghiệp kiểm toán độc lập có thể coi như là một giấy chứng nhận cho chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn có nhiều khả năng lựa chọn một doanh nghiệp kiểm toán lớn hơn, bởi vì nó là một tín hiệu tốt cho các nhà đầu tư. Sự lựa chọn của doanh nghiệp kiểm toán được coi như là một tín hiệu của giá trị doanh nghiệp. Sự hiện diện của Big4 được xem như là một chất lượng tín hiệu của việc công bố thông tin kế toán của doanh nghiệp (Datar, Feltham và Hughes, 1991). Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

Giả thuyết H6 (+): Kiểm toán có tác động cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức.

2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp khám phá, nghiên cứu định tính, định lượng. Sử dụng các kỹ thuật phân tích: thống kê mô tả, phân tích khám phá EFA, mô hình hồi quy. Thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc được thiết kế dựa theo các nghiên cứu trước đó, được thiết kế đánh giá theo Likert 5.

Mẫu nghiên cứu: Đối tượng khảo sát nghiên cứu là các nhân viên kế toán, các nhà quản lý của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức. Số bảng khảo sát phát ra là 250, thu về 230. Sau khi lọc, làm sạch, còn 220 bảng khảo sát đưa vào phân tích chính thức, kích thước mẫu phù hợp với công thức quy mô mẫu của Tabachnick và Fidell (2007).

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng BSC của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức, gồm 6 nhân tố như sau:

$$Y = X_1\beta_1 + X_2\beta_2 + X_3\beta_3 + X_4\beta_4 + X_5\beta_5 + X_6\beta_6 + \varepsilon$$

Trong đó:

X_1 : Môi trường pháp lý;

X_2 : Hệ thống kiểm soát nội bộ;

X_3 : Quy trình công tác kế toán;

X_4 : Trình độ nhân viên kế toán;

X_5 : Công bố thông tin;

X_6 : Kiểm toán;

Y : Chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức;

ε : là hệ số nhiễu.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi kiểm định độ tin cậy của các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc, tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như Bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số $R^2 = 0,647 > 0,5$, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ngoài ra, giá trị hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0,632, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 63,2%.

Kết quả hồi quy được thể hiện tại Bảng 2.

Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	,792 ^a	,647	,632	0,18052

Bảng 2. Kết quả hồi quy

Biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.
	B	Sai số chuẩn	B		
Hằng số	1,854	,213		8,464	,000
Môi trường pháp lý	,052	,023	,306	2,821	,004
Hệ thống kiểm soát nội bộ	,049	,025	,301	1,875	,001
Quy trình công tác kế toán	,071	,032	,226	2,679	,004
Trình độ nhân viên kế toán	,163	,041	,305	3,421	,001
Công bố thông tin	,066	,032	,182	3,289	,001
Kiểm toán	,077	,021	,342	4,106	,000

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi quy tuyến tính bội của các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại Thành phố Thủ Đức với các hệ số chuẩn hóa như sau:

$$Y = 0,306X_1 + 0,301X_2 + 0,226X_3 + 0,305X_4 + 0,182X_5 + 0,342X_6.$$

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu này là xác định và đo lường mức ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức. Kết quả nghiên cứu này đã chỉ ra được 6 nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Thủ Đức với mức độ tác động theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: nhân tố kiểm toán ảnh hưởng mạnh nhất với Beta = 0,342; nhân tố môi trường pháp lý ảnh hưởng mạnh thứ hai với hệ số Beta = 0,306; nhân tố trình độ nhân viên kế toán ảnh hưởng mạnh thứ ba với hệ số Beta = 0,305; nhân tố tiếp theo hệ thống kiểm soát nội bộ

ảnh hưởng thứ tư với hệ số Beta = 0,301; nhân tố tiếp theo quy trình công tác kế toán ảnh hưởng thứ năm với hệ số Beta = 0,226; cuối cùng là nhân tố công bố thông tin ảnh hưởng thấp nhất với hệ số Beta = 0,182.

4.2. Kiến nghị

Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, các nhà quản trị cần điều hành hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ theo hướng phù hợp với mục tiêu hoạt động doanh nghiệp đã đề ra, có các biện pháp thích hợp để giám sát, điều chỉnh hoạt động của hệ thống này. Xây dựng các quy định chặt chẽ về kiểm tra chéo giữa các bộ phận trong doanh nghiệp tránh gian lận thông tin.

Môi trường pháp lý là nền tảng cho việc ghi chép, lập báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp, các chính sách thuế và chuẩn mực kế toán chi phối tới việc lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, do đó, tác giả đề xuất cơ quan thuế cần có sự điều chỉnh để có sự hòa hợp giữa quy định của thuế và chuẩn mực kế toán, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc lập báo cáo.

Đối với quy trình công tác kế toán, cần hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán tại đơn vị, khắc phục thiếu sót, tồn tại ngay trong quá trình tổ chức hệ thống chứng từ kế toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Tổ chức sử dụng chứng từ kế toán đảm bảo đúng, đủ, phù hợp, làm cơ sở cho việc hạch toán. Tổ chức hoàn thiện chứng từ kế toán là khâu quan trọng, quyết định đến thông tin kế toán. Xây dựng hệ thống chứng từ đơn giản, rõ ràng, phù hợp với quy định của chế độ kế toán, chỉ tiêu phản ánh trong chứng từ phải thể hiện được yêu cầu quản lý nội bộ.

Đối với kiểm toán, tác giả đề xuất kiểm toán viên phải tuân thủ đúng quy trình kiểm toán, cố gắng bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu và học hỏi các kỹ năng cần thiết, có như vậy chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính mới được đảm bảo. Các doanh nghiệp kiểm toán cần quản lý về thời gian tham gia kiểm toán tại một đơn vị đối với một kiểm toán viên, để tránh đem lại rủi ro cho cả

doanh nghiệp được kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán.

Đối với công bố thông tin, tác giả đề xuất cần cụ thể hóa các quy định về yêu cầu công bố thông tin doanh nghiệp để doanh nghiệp hiểu rõ, đồng thời thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời những quy định về công bố thông tin; Tạo ra khung pháp lý chung, thống nhất về việc công bố thông tin hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với trình độ nhân viên kế toán, tác giả đề xuất công tác tổ chức tuyển dụng phải công khai, minh bạch, theo đúng quy trình tuyển dụng. Bên cạnh đó, nhân viên được tuyển dụng phải có đủ tố chất phù hợp với từng vị trí dự tuyển như về chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trung thực, cẩn thận, nhiệt tình... nhằm hạn chế rủi ro xảy ra cho doanh nghiệp sau này. Nhân viên kế toán cần không ngừng tự nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc đào tạo, cập nhật kiến thức thường xuyên ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. IASB (International Accounting Standards Board). (2011). Preface to International Financial Reporting Standards (London: IFRSF). Available at: <https://www.iasplus.com/en/standards/other/preface>
2. Afiah, N. N., & Rahmatika, D. N. (2014). Factors influencing the quality of financial reporting and its implications on good government governance. *International Journal of Business, Economics and Law*, 5(1), 111-121
3. Alshbiel, S. O., & Al-Awaqleh, Q. A. (2011). Factors affecting the applicability of the computerized accounting system. *International Research Journal of Finance and Economics*, 64, 36-53.
4. Datar, S. M., Feltham, G. A., & Hughes, J. S. (1991). The role of audits and audit quality in valuing new issues. *Journal of accounting and Economics*, 14(1), 3-49.
5. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. L. (1998). *Multivariate data analysis*, 5th Edition, 5(3), 207-219. Upper Saddle River, NJ: Prentice hall.
6. Jonas, G. J., & Blanchet, J. (2000). Assessing quality of financial reporting. *Accounting horizons*, 14(3), 353-363.
7. Kewo, C. L., & Afiah, N. N. (2017). Does quality of financial statement affected by internal control system and internal audit? *International Journal of Economics and Financial Issues*, 7(2), 568.
8. Michelon, G. (2011). Sustainability disclosure and reputation: A comparative study. *Corporate Reputation Review*, 14(2), 79-96.

9. Salter, S. B., & Douppnik, T. S. (1992). The relationship between legal systems and accounting practices: A classification exercise. *Advances in International Accounting*, 5(1), 3-22.
10. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996). Analysis of covariance. *Using multivariate statistics*, 8(1), 321-374.

Ngày nhận bài: 15/4/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/4/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/5/2023

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN VIỆT TRỌNG

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

FACTORS AFFECTING THE FINANCIAL STATEMENT QUALITY OF MANUFACTURING ENTERPRISES IN THU DUC CITY

● Master. **NGUYEN VIET TRONG**

Ho Chi Minh City Industry and Trade College

ABSTRACT:

This study identifies and measures the factors affecting the financial statement quality of manufacturing enterprises located in Thu Duc City. The study analyzes 220 samples collected from manufacturing enterprises in Thu Duc City. In the study, qualitative and quantitative analysis methods, and analytical techniques, including descriptive statistics, scale reliability testing, exploratory factor analysis, and linear regression, are used. The study finds that there are six factors positively impacting the financial statement quality of manufacturing enterprises, including: regulatory environment; internal control system; accounting work process; competencies of accounting staff; audit; and information disclosure. Based on the study's findings, some policies are proposed to help managers of manufacturing enterprises in Thu Duc City improve the quality of their financial statements in order to improve management efficiency.

Keywords: financial statements, quality of financial statements, manufacturing enterprises, Thu Duc City.